

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
1. Khái niệm	Chưa định nghĩa rõ trung tâm thương mại, diện tích bán hàng, bộ tài liệu địa điểm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	Bổ sung các khái niệm này; “diện tích bán hàng” gồm khu trưng bày, lưu trữ, bán lẻ và hoạt động hỗ trợ trực tiếp. Tạo cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. (Điều 3 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Doanh nghiệp cần tách diện tích bán hàng khỏi tổng diện tích thuê và chuẩn bị hồ sơ pháp lý địa điểm đầy đủ hơn.
2. Dịch vụ thương mại điện tử (“TMĐT”)	Quy định chung “cung cấp dịch vụ thương mại điện tử” thuộc diện cấp Giấy phép kinh doanh (“GPKD”).	Cụ thể hóa thành quản lý và vận hành nền tảng TMĐT trung gian, mạng xã hội có hoạt động TMĐT và nền tảng thương mại tích hợp. (Điểm h khoản 1 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Phạm vi cấp phép bám sát mô hình nền tảng theo pháp luật TMĐT mới.
3. Doanh nghiệp đang bán lẻ trở thành doanh nghiệp FDI	Yêu cầu xin GPKD và GP CSBL nhưng chưa ấn định rõ thời gian được tiếp tục hoạt động trong quá trình xin phép.	Được tiếp tục bán lẻ tại CSBL đang hoạt động trong thời gian làm thủ tục, tối đa 12 tháng kể từ ngày văn bản xác nhận giao dịch vốn/cổ phần có hiệu lực. (Khoản 6 Điều 5 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Tạo hành lang chuyển tiếp nhưng đặt thời hạn cứng cho việc hoàn tất giấy phép.
4. Cơ quan cấp phép	Sở Công Thương cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi GPKD/GP CSBL.	UBND cấp tỉnh nơi đặt trụ sở hoặc CSBL thực hiện các thẩm quyền tương ứng. (Điều 8 Nghị định 342/2026/NĐ-CP (kế thừa định hướng phân cấp tại NĐ 146/2025)).	Sẽ theo cơ chế ủy quyền thực tế tại từng địa phương.
5. Cơ chế lấy ý kiến Trung ương	Nhiều trường hợp phải lấy ý kiến Bộ Công Thương và/hoặc bộ quản lý ngành.	Bỏ việc lấy ý kiến Bộ Công Thương; lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với trường hợp liên quan an ninh, nền tảng số lớn và mạng lưới bán lẻ đạt các ngưỡng luật định.	Thủ tục đã được phân cấp mạnh; một số trường hợp cụ thể có thêm trình tự hỏi ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		(Khoản 3 Điều 8 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	
6. Ngưỡng mạng lưới bán lẻ phải hỏi ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng	Không có ngưỡng định lượng riêng.	Áp dụng khi xin tiếp tục hoạt động/mở mới và đã đạt: 100 CSBL dưới 500 m ² ; và/hoặc 50 CSBL từ 500 đến dưới 3.000 m ² ; và/hoặc 30 CSBL từ 3.000 m ² trở lên. (Điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Doanh nghiệp chuỗi phải quản lý dữ liệu toàn hệ thống theo từng nhóm diện tích.
7. Điều kiện cấp GPKD	Có kế hoạch tài chính; không nợ thuế; đối với NĐT <u>không thuộc</u> nước tham gia Điều ước còn xét điều kiện tạo việc làm và đóng góp ngân sách.	Bỏ điều kiện về kế hoạch tài chính, tiêu chí tạo việc làm và đóng góp ngân sách; yêu cầu duy trì điều kiện tiếp cận thị trường suốt quá trình hoạt động; tiêu chí cạnh tranh được giới hạn trong 01 năm trước ngày nộp hồ sơ. (Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Giảm tiêu chí định tính/tài chính nhưng tăng nghĩa vụ duy trì điều kiện sau cấp phép.
8. Hàng hóa chưa cam kết mở cửa	Áp dụng với dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo, tạp chí; điều kiện được mô tả khái quát.	Làm rõ dầu/mỡ bôi trơn có nguồn gốc dầu mỏ và yêu cầu phải cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với hàng hóa chưa cam kết, doanh nghiệp phải đã được cấp GP CSBL cho cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini hoặc siêu thị. (Khoản 4 Điều 9 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Điều kiện được quy định riêng theo từng nhóm hàng hóa, không áp dụng đồng loạt yêu cầu đăng ký đầu tư.
9. Thời hạn kinh doanh trên GPKD	Thời hạn 05 năm áp dụng cho NĐT <u>không thuộc</u> nước tham gia Điều ước và đối với dịch vụ/hàng hóa chưa cam kết; chưa quy định rõ thời hạn của trường hợp NĐT <u>thuộc</u> nước tham gia Điều ước.	Trường hợp NĐT <u>thuộc</u> nước tham gia Điều ước, GPKD có thời hạn tương ứng thời hạn đăng ký doanh nghiệp; các trường hợp NĐT <u>không thuộc</u> nước tham gia Điều ước và hàng hóa/dịch vụ chưa cam kết: 05 năm.	Làm rõ thời hạn GPKD theo từng nhóm NĐT và hoạt động.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		(Điều 10 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	
10. Cấp GPKD	Có kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kèm theo báo cáo tài chính có kiểm toán/tài liệu chứng minh vốn; tùy trường hợp phải nộp 1-3 bộ và hỏi ý kiến Bộ Công Thương và/hoặc Bộ quản lý chuyên ngành. <u>Thời gian xử lý:</u> Trường hợp không lấy ý kiến Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành: 10 ngày làm việc. Trường hợp lấy ý kiến Bộ: 28 ngày làm việc.	Có kế hoạch kinh doanh trong 05 năm; bỏ kế hoạch tài chính; 01 bộ hồ sơ, có thể nộp trực tuyến; ưu tiên khai thác dữ liệu nhà nước; xác nhận thuế không quá 06 tháng. <u>Thời gian xử lý:</u> Trường hợp không lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng: 10 ngày làm việc Trường hợp lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng: 27 ngày làm việc. (Điều 11 và 12 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Giảm thành phần và số bộ hồ sơ; doanh nghiệp vẫn phải chuẩn bị phương án kinh doanh đủ chiều sâu.
11. Điều chỉnh GPKD	Điều chỉnh khi thay đổi thông tin doanh nghiệp, chủ sở hữu/thành viên/cổ đông sáng lập, hàng hóa hoặc hoạt động kinh doanh. Đối với trường hợp điều chỉnh chủ sở hữu, hàng hóa hoặc hoạt động kinh doanh: có kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, kèm theo báo cáo tài chính có kiểm toán/tài liệu chứng minh vốn; tùy trường hợp phải nộp 1-3 bộ và hỏi ý kiến Bộ Công Thương và/hoặc Bộ quản lý chuyên ngành. <u>Thời gian xử lý:</u> Trường hợp không lấy ý kiến Bộ Công Thương/bộ quản lý ngành: 10 ngày làm việc. Trường hợp lấy ý kiến Bộ: 28 ngày làm việc.	Giữ nguyên cách này và <u>mở rộng áp dụng</u> cho trường hợp thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước/vùng lãnh thổ <u>có điều ước quốc tế áp dụng</u>. Đối với thay đổi chủ sở hữu/thành viên/cổ đông đến từ nước <u>không có điều ước</u> hoặc thay đổi hoạt động/hàng hóa: có kế hoạch kinh doanh 05 năm; bỏ kế hoạch tài chính; 01 bộ hồ sơ, có thể nộp trực tuyến; ưu tiên khai thác dữ liệu nhà nước; xác nhận thuế không quá 06 tháng. Có hỏi ý kiến Bộ Công An và Bộ Quốc phòng. Thời gian xử lý: (i) thay đổi thông tin doanh nghiệp hoặc thay đổi chủ sở hữu/thành viên/cổ đông sáng lập đến từ nước có điều ước: 05 ngày làm việc từ khi hồ sơ hợp lệ;	Hồ sơ điều chỉnh đơn giản được mở rộng và giảm giấy tờ. Chú trọng quốc tịch của chủ sở hữu/thành viên/cổ đông có thuộc nước tham gia Điều ước không, cách áp dụng quy định đối với trường hợp này là khác nhau về thành phần hồ sơ và trình tự thủ tục, giống thủ tục cấp GPKD.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		(ii) thay đổi chủ sở hữu/thành viên/cổ đông sáng lập đến từ nước <u>không có điều ước</u> hoặc thay đổi hàng hóa, hoạt động kinh doanh và nội dung khác: 27 ngày làm việc. (Điều 13 đến Điều 15 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	
12. Cấp đồng thời GPKD và GP CSBL thứ nhất	Hồ sơ gồm GCN đăng ký đầu tư dự án lập CSBL (nếu có); chưa phân định rõ theo diện tích.	CSBL dưới 500 m ² : cần cung cấp GCN đăng ký chi nhánh hoặc GCN địa điểm kinh doanh tại nơi lập CSBL. CSBL từ 500 m ² : cần cung cấp GCN đăng ký chi nhánh và GCN đăng ký dự án đầu tư CSBL. (Điều 19 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Ngưỡng 500 m ² quyết định việc phải hình thành dự án đầu tư.
13. Điều kiện cấp GP CSBL	Yêu cầu kế hoạch tài chính, không nợ thuế quá hạn và địa điểm phù hợp quy hoạch.	Bỏ điều kiện về kế hoạch tài chính; yêu cầu điều kiện về không nợ thuế và địa điểm đáp ứng pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, PCCC, giao thông và môi trường. (Điều 21 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Trọng tâm thẩm định chuyển mạnh sang tính hợp pháp và khả năng sử dụng địa điểm.
14. Phạm vi ENT	CSBL ngoài CSBL thứ nhất phải ENT, trừ CSBL dưới 500 m ² trong trung tâm thương mại ("TTTM") và không phải cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị.	Giữ ngoại lệ cơ bản nhưng xác định nghĩa vụ ENT theo quốc gia/vùng lãnh thổ của NĐT và Điều ước có cam kết bãi bỏ ENT. (Khoản 1 Điều 22 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Phải xác định đúng Điều ước được NĐT lựa chọn áp dụng và đảm bảo đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường tại Điều ước này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
15. Tiêu chí ENT	Xem xét quy mô khu vực địa lý, số lượng CSBL, tác động thị trường và đóng góp kinh tế - xã hội.	Xác định khu vực ảnh hưởng ở cấp xã đối với CSBL dưới 5.000 m ² và cấp tỉnh đối với CSBL từ 5.000 m ² ; tập trung vào tác động thị trường, nhu cầu của khu vực thị trường địa lý, khả năng đóng góp của CSBL; bổ	Hồ sơ ENT cần dữ liệu đúng cấp địa lý và đánh giá yếu tố an ninh tại địa điểm.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		sung sự phù hợp về đảm bảo an ninh, trật tự, biên giới, hải đảo và khu quân sự. (Khoản 2 Điều 22 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	
16. Hội đồng ENT	Do UBND cấp tỉnh thành lập; thành viên gồm: đại diện UBND hoặc đại diện cơ quan được UBND cấp tỉnh ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng ENT, đại diện Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, tổ chức liên quan. Trường hợp địa điểm CSBL có vị trí tại khu vực địa lý cấp xã tiếp giáp tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác thì thành viên <u>Hội đồng ENT có thêm</u> đại diện của UBND tỉnh/thành phố tiếp giáp.	Thành viên ENT có thêm Công an cấp tỉnh. Trường hợp địa điểm CSBL có vị trí tại khu vực địa lý cấp xã hoặc tương đương tiếp giáp tỉnh, thành phố trực thuộc TW khác <u>phải lấy ý kiến</u> UBND cấp tỉnh hoặc đại diện của UBND cấp tỉnh giáp ranh. (Khoản 23 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Cơ cấu thẩm định rộng hơn.
17. Nội dung và thời hạn GP CSBL	Ghi “quy mô CSBL” (gồm <i>tổng diện tích đất sử dụng cho dự án CSBL; tổng diện tích sàn xây dựng trong đó có diện tích bán hàng, diện tích kinh doanh dịch vụ</i>). Thời hạn GP CSBL theo thời hạn còn lại trên GCN đăng ký đầu tư dự án CSBL hoặc thời hạn ghi trong tài liệu địa điểm.	Ghi “diện tích bán hàng của CSBL”. Thời hạn GP CSBL theo thời hạn còn lại của GCN đăng ký đầu tư dự án CSBL hoặc thời hạn ghi trong tài liệu địa điểm, <u>lấy thời hạn ngắn hơn</u> . (Khoản 24 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)	Cần thống nhất số liệu diện tích giữa bản vẽ và hợp đồng thuê; trường hợp diện tích thuê dùng cho nhiều mục đích thì hợp đồng cần ghi cụ thể diện tích bán hàng của CSBL. Thời hạn thuê nên thương lượng dài hơn.
18. Hồ sơ cấp GP CSBL	Có kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính, tài liệu thuế và địa điểm; chưa áp dụng rõ ngưỡng chứng từ 500 m ² .	Có kế hoạch kinh doanh trong <u>05 năm</u> , bỏ kế hoạch tài chính; dưới 500 m ² kèm theo GCN đăng ký chi nhánh/địa điểm kinh doanh, từ 500 m ² kèm theo GCN đăng ký chi nhánh, GCN đăng ký đầu tư dự án	Giảm hồ sơ tài chính nhưng tăng thành phần hồ sơ về chi nhánh/địa điểm kinh doanh và dự án CSBL.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		CSBL; ưu tiên khai thác cơ sở dữ liệu. <i>(Khoản 25 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	
19. Thời hạn giải quyết GP CSBL	Quy trình có vòng lấy ý kiến Bộ Công Thương; thời gian thay đổi theo CSBL thứ nhất/ngoài thứ nhất và ENT. <i>Không ENT/CSBL thứ nhất: 20 ngày làm việc. Có ENT: 58 ngày làm việc.</i>	<i>Không ENT: 14 ngày làm việc; trường hợp phải lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì tổng thời gian là 31 ngày làm việc. Có ENT: 30 ngày làm việc; trường hợp lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thì thời gian vẫn là 30 ngày làm việc do thời gian lấy ý kiến 14 ngày được thực hiện song song với quá trình ENT. (Khoản 26 và 27 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Thời gian xử lý rút ngắn hơn.
20. Thay đổi địa điểm trong cùng TTTM	Thay đổi địa điểm CSBL về nguyên tắc phải xin GP CSBL mới (trừ trường hợp đổi do thay đổi địa giới hành chính hoặc thay đổi cách đặt tên của địa điểm thuê).	Cho phép điều chỉnh sang địa điểm mới có diện tích bán hàng dưới 500 m ² trong cùng TTTM nếu TTTM không thay đổi quy mô, diện tích so với lần cấp/điều chỉnh gần nhất. <i>(Khoản 2 Điều 28 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Tạo cơ chế linh hoạt cho việc dịch chuyển gian hàng trong cùng dự án TTTM.
21. Điều chỉnh diện tích/loại hình	Các trường hợp điều chỉnh: (i) thay đổi thông tin doanh nghiệp, tên, địa chỉ, loại hình, diện tích hoặc hàng hóa bán lẻ; (ii) giảm diện tích; (iii) tăng diện tích CSBL thứ nhất trong TTTM; (iv) tăng diện tích CSBL ngoài CSBL thứ nhất trong TTTM, không phải cửa hàng tiện lợi hoặc siêu thị mini, đến mức dưới 500 m ² ; (v) tăng diện tích CSBL thứ nhất ngoài TTTM; và (vi) các trường hợp	Mở rộng và phân loại lại các trường hợp điều chỉnh: (i) bổ sung trường hợp chuyển địa điểm của CSBL sang địa điểm mới có diện tích bán hàng dưới 500 m ² trong cùng TTTM, nếu TTTM không thay đổi quy mô, diện tích; (ii) sử dụng “diện tích bán hàng” thay cho tổng diện tích CSBL; (iii) thủ tục đơn giản áp dụng đối với giảm diện tích, tăng diện tích CSBL thứ nhất trong TTTM và tăng diện tích CSBL ngoài CSBL thứ nhất	Nghị định 342/2026/NĐ-CP bổ sung cơ chế điều chỉnh khi chuyển gian hàng trong cùng TTTM; sử dụng “diện tích bán hàng” thay cho tổng diện tích CSBL; mở rộng ngưỡng áp dụng thủ tục đơn giản từ “dưới 500 m ² ” thành “không quá 500 m ² ”; và bổ sung trường hợp đổi loại hình thành siêu thị. Đối với các trường hợp phải ENT, thời gian được rút ngắn đáng kể do bỏ bước thành lập Hội

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
	tăng diện tích khác hoặc đổi loại hình CSBL ngoài CSBL thứ nhất thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini. Thời hạn: nhóm (i)-(iv): 08 ngày làm việc; nhóm (v): 20 ngày làm việc theo thủ tục không ENT tại Điều 28; nhóm (vi): tổng các mốc xử lý là 58 ngày theo thủ tục ENT tại Điều 29, bao gồm thời gian lấy ý kiến Bộ Công Thương.	trong TTTM, không phải cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini hoặc siêu thị, đến mức không quá 500 m²; (iv) tăng diện tích CSBL thứ nhất ngoài TTTM, các trường hợp tăng diện tích khác và đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini hoặc siêu thị đều thực hiện theo trình tự ENT tại Điều 27. Thời hạn: nhóm (i)-(v): 05 ngày làm việc; nhóm (vi)-(viii): 30 ngày làm việc theo trình tự ENT tại Điều 27. Trường hợp lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, thời hạn vẫn là 30 ngày làm việc do thời gian lấy ý kiến 14 ngày được thực hiện song song với quá trình ENT. <i>(Điều 28 đến Điều 30 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	đồng ENT riêng và vòng lấy ý kiến Bộ Công Thương. Ngược lại, tăng diện tích CSBL thứ nhất ngoài TTTM được chuyển từ thủ tục không ENT (20 ngày làm việc) sang trình tự ENT (30 ngày làm việc).
22. Gia hạn GP CSBL	Nộp hồ sơ ít nhất 30 ngày trước ngày GP CSBL hết hạn.	Nộp trong thời hạn không quá 03 tháng trước ngày hết hiệu lực; cơ quan cấp phép giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. <i>(Điều 34 và 35 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Nên nộp sớm trong khoảng thời gian 03 tháng để hạn chế rủi ro gián đoạn hoạt động.
23. Báo cáo và cơ sở dữ liệu	Doanh nghiệp báo cáo định kỳ hàng năm trước 31/01; công bố thông tin qua hệ thống dữ liệu.	Doanh nghiệp báo cáo năm trước 15/01 và báo cáo 06 tháng trước 15/7; có thể nộp điện tử; cơ quan cấp phép cập nhật dữ liệu trong 14 ngày. <i>(Điều 34 và 35 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Tăng tần suất và rút sớm hạn báo cáo năm.
24. Tạm ngừng và chấm dứt	Có quy định tạm ngừng/chấm dứt nhưng phân tán, thủ tục chưa đầy đủ cho mọi tình huống.	Quy định tạm ngừng tối đa 12 tháng; nghĩa vụ thông báo, khắc phục điều kiện; hậu quả khi hết thời hạn; trình tự chấm dứt một phần/toàn bộ.	Doanh nghiệp phải đồng bộ thủ tục đăng ký kinh doanh với thủ tục giấy phép chuyên ngành.

Nội dung	Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Nghị định 342/2026/NĐ-CP	Tác động thực tiễn
		<i>(Điều 40 và 41 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	
25. Thu hồi giấy phép	Thu hồi do mất tư cách pháp lý, hồ sơ giả mạo, ngừng hoạt động, vi phạm báo cáo hoặc vi phạm hành chính; trình tự còn khái quát.	Bổ sung trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần (03 lần liên tiếp); trình tự thu hồi quy định thêm bước yêu cầu giải trình trước khi thu hồi đối với trường hợp ngừng hoạt động, không lập dự án đầu tư, không báo cáo định kỳ trong 24 tháng liên tiếp. Người bị thu hồi bị từ chối cấp mới trong 02 năm. <i>(Điều 20, 37 và 42 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Rủi ro tuân thủ sau cấp phép tăng đáng kể.
26. Chuyển tiếp và hiệu lực	Nghị định 09/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 15/01/2018.	Nghị định 342/2026/NĐ-CP có hiệu lực 18/10/2026 và thay thế Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Hồ sơ đã tiếp nhận trước ngày hiệu lực tiếp tục theo NĐ 09 và Điều 36 Nghị định 146/2025/NĐ-CP; thời hạn bổ sung tối đa 06 tháng, quá hạn áp dụng Nghị định 342/2026/NĐ-CP. <i>(Điều 44 và 45 Nghị định 342/2026/NĐ-CP)</i>	Cần rà soát hồ sơ đang xử lý và thời điểm văn bản yêu cầu bổ sung.
27. Các biểu mẫu kèm theo	Có 16 mẫu; thông tin chủ yếu tập trung vào hoạt động xin cấp phép, quy mô CSBL và báo cáo năm. Chưa có mẫu cấp đồng thời GPKD–GP CSBL, thông báo tạm ngừng và thông báo chấm dứt của doanh nghiệp.	Có 19 mẫu; bổ sung mẫu cấp đồng thời, tạm ngừng và chấm dứt; chuẩn hóa thông tin về diện tích bán hàng, mã HS, chi nhánh/địa điểm kinh doanh, dự án đầu tư, thời hạn và điều kiện ràng buộc trên giấy phép. Báo cáo được thiết kế cho kỳ 06 tháng và năm.	